TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: : 14/2022/DS-ST
Ngµy 16 - 8 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao V

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị H

2. Ông Nguyễn Duy T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H, sinh năm 1987**

Địa chỉ: Số nhà 24, tổ 28, khu Phan Chu Trinh, phường C, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn: **Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1989**

Địa chỉ: Tổ 28, khu 1A, phường M, thành phố V, tỉnh P.

(Chị H có mặt, anh H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Ngày 06/7/2020, chị có cho anh Phạm Ngọc H, sinh ngày 06/3/1989, số CMND 132023563 do Công an tỉnh P cấp ngày 08/8/2006, hộ khẩu thường trú tại tổ 28, khu 1A, phường M, thành phố V, tỉnh P thuê một chiếc xe máy SH 150i, biển kiểm soát: 19B1 – 51916, đăng ký xe mang tên chị là Lê Thị H trong thời hạn 60 ngày với giá 500.000đ/01 ngày 24 tiếng. Anh H cam kết với chị sau đúng 60 ngày sẽ mang xe về trả cho chị và thanh toán tiền thuê xe đầy đủ theo như đã thỏa thuận nhưng đến ngày 16/12/2021 anh H mới đem trả xe nhưng chưa thanh toán tiền thuê xe như đã thỏa thuận là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng),* và hẹn chị ngày 17/12/2021 sẽ trả cho chị toàn bộ số tiền trên nhưng từ đó đến nay anh H khất lần, chây ì không trả nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải

quyết buộc anh H phải trả cho chị số tiền 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Tại phiên H giải ngày 10/6/2022 chị thay đổi quan điểm nếu anh H nhất trí trả nợ thì chị giảm số tiền thuê xe xuống còn 160.000.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)* nhưng anh H đã không nhất trí trả nên chị vẫn giữa quan điểm buộc anh H phải trả số tiền 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*, và mức lãi suất là 0,75%/tháng kể từ ngày 08/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm buộc anh H phải trả cho chị tiền thuê xe từ ngày 06/7/2020 đến ngày 16/12/2021 là 17 tháng 10 ngày tương đương với 520 ngày với số tiền thỏa thuận 500.000đ/ngày là: 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và tiền lãi 0,75%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 08/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2022 là 06 tháng 08 ngày với số tiền lài là: 12.220.000đ *(Mười hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền thuê xe cả gốc và lãi là: 272.220.000đ *(Hai trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Anh Phạm Ngọc H xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 25/3/2022 và phiên H giải ngày 10/6/2022 anh trình bày như sau: Sau khi nhận được tài liệu khởi kiện cùng với thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố V anh trình bày: Ngày 06/7/2020, anh có thuê xe máy để phục vụ công việc cá nhân chiếc xe SH của chị Lê Thị H biển kiểm soát 19B1 - 51916. Khi thuê có làm hợp đồng và thời gian thuê là 60 ngày với giá 500.000đ/01 ngày. Vì điều kiện công việc nên anh không trả xe được đúng thời hạn, hiện nay anh còn nợ số tiền theo hợp đồng và thời gian thuê đến ngày 16/12/2021 với tổng số tiền là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*, đến nay cũng do dịch bệnh nên công việc của anh bị ảnh hưởng nên chưa trả được tiền thuê xe cho chị H. Hiện nay anh đang tích cực làm việc để trả tiền cho chị H, còn tiền lãi anh xin được xem xét và mong chị H miễn tính cho anh.

Tòa án đã tiến hành H giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về nội dung giải quyết, nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án xác định: Đây là "Tranh chấp Hợp đồng thuê tài sản" giữa nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Phạm Ngọc H. Anh H hiện cư trú tại Tổ 28, khu 1A, phường M, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn anh Phạm Ngọc H xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Về nội dung:

Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu anh Phạm Ngọc H phải trả cho chị tiền anh thuê xe mô tô SH 150i, biển kiểm soát 19B1 - 51916 từ ngày 06/7/2020 đến ngày 16/12/2021 là 17 tháng 10 ngày tương đương với 520 ngày x 500.000đ/ngày = 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 08/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2022 là 06 tháng 08 ngày với mức lãi suất 0,75%/tháng là: 12.220.000đ *(Mười hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).* Tổng số tiền thuê xe cả gốc và lãi là: 272.220.000đ *(Hai trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

Tại Giấy thuê xe mô tô (viết tay) ngày 06/7/2020, anh Phạm Ngọc H có thuê của chị Lê Thị H 01 xe honda SH, biển kiểm soát 19B1 - 51916 trong thời gian 60 ngày với giá 500.000đ/01 ngày. Tuy nhiên hết hạn 60 ngày anh H đã không đem trả xe mà đến ngày 16/12/2021 anh H mới đem trả chiếc xe SH cho chị H. Tại phiên tòa anh H xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng thừa nhận ngày 06/7/2020, anh có thuê xe SH, biển kiểm soát 19B1 - 51916 của chị Lê Thị H để phục vụ công việc cá nhân. Khi thuê hai bên có làm hợp đồng và thời gian thuê là 60 ngày với giá 500.000đ/01 ngày, vì điều kiện công việc nên anh không trả xe được đúng thời hạn, hiện nay anh còn nợ số tiền theo hợp đồng và thời gian thuê đến ngày 16/12/2021 với tổng số tiền là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Xét thấy: Giấy thuê xe mô tô và số tiền thuê xe là sự thỏa thuận tự nguyện giữa anh H và chị H. Hai bên đều ký vào Giấy thuê xe và tại thời điểm ký kết anh H, chị H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Như vậy, Giấy thuê xe ngày 06/7/2020 là căn cứ pháp lý xác nhận việc anh H thuê xe của chị H với nội dung như trên là đúng, anh H cũng thừa nhận việc thuê xe và số tiền thuê xe còn nợ chị H đến ngày 16/12/2021 là 260.000.000đ. Vì vậy, cần buộc anh H phải trả số tiền thuê xe cho chị H là 260.000.000đ là có căn cứ.

Về khoản tiền lãi: Trong Giấy thuê xe mô tô, chị H và anh H không có thỏa thuận về lãi suất, nhưng khởi kiện chị H yêu cầu anh H phải trả lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể ngày Tòa án thụ lý vụ án 08/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2022. Căn cứ quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm thì trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quả mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật dân sự (20%/năm); nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (không quá 10%/năm). Trường hợp này giữa chị H và anh H không thỏa thuận về lãi suất nên tiền lãi chậm trả sẽ được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự không quá 10%/năm của số tiền chậm trả. Do vậy, chị H yêu cầu anh H phải trả lãi trên số tiền chậm trả là 260.000.000đ với mức lãi suất 0,75% từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử là 06 tháng 08 ngày với số tiền lãi là 12.220.000đ *(Mười hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)* là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên buộc anh

H phải trả số tiền lãi là 12.220.000đ *(Mười hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)* cho chị H là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ và phân tích trên buộc anh H phải trả cho chị H tổng số tiền thuê xe và tiền lãi chậm trả là 272.220.000đ *(Hai trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nội dung khởi kiện của chị H được chấp nhận vì vậy anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều có quyền kháng cáo.

[4]. Do vụ án Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 351, 357, khoản 2 Điều 468, 472, 473, 474, 481, 482 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với anh Phạm Ngọc H về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản".

2. Buộc anh Phạm Ngọc H phải trả cho chị Lê Thị H tiền thuê xe mô tô SH 150i, biển kiểm soát 19B1 - 51916 xe từ ngày 06/7/2020 đến ngày 16/12/2021 là 260.000.000đ *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2022 đến ngày 16/8/2022 là: 12.220.000đ *(Mười hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).* Tổng số tiền thuê xe cả gốc và lãi là: 272.220.000đ *(Hai trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc H phải chịu 13.611.000đ *(Mười ba triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng).*

Chị Lê Thị H được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000đ *(Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009154 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh P;*
- *VKSND TP. V, T. P;*
- *Chi cục THADS TP. V, T. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao V